TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Trần Thị Sang
2. Thi Thị Thanh Trúc

Thư ký phiên tòa: Châu Thị Phượng Liên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Nguyễn Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024 về việc *"*Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Ch, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Ô Bắp, xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Thạch T, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Ô Bắp, xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Con chung của chị Ch và anh T: Thạch Thị Bé Nguyên, sinh ngày 23/02/2010
Địa chỉ: ấp Ô Bắp, xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Trần Thị Ch như sau*:*

Chị Ch và anh T chung sống năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Hòa A. Thời gian chung sống có 01 con chung tên Thạch Thị Bé Nguyên, sinh ngày 23/02/2010. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cuộc sống trong gia đình và các vấn đề khác không đồng thuận, vợ chồng thường xuyên cự cãi, sống không hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị Ch xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu tòa giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị Ch yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Ch yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

*** Phía anh Thạch T** Tòa án đã thông báo thụ lý, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết về việc khởi kiện của chị Trần Thị Ch

* **Cháu Thạch Thị Bé Nguyên có tự khai**: Nếu ba mẹ ly hôn con sống với mẹ. Do con bận đi học nên xin vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã nhận định:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Những vấn đề khác Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hôn nhân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị Ch cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao con chung Thạch Thị Bé Nguyên cho chị Ch nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ch không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét. Về án phí buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng**:** Quá trình giải quyết vụ án chị Ch có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Thạch T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rỏ lí do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Ch và anh T chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Hòa A nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không ai quan tâm nhau, thường xuyên cự cãi, sống không hạnh phúc, nên đã ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay. Từ khi ly thân không ai tới lui chăm sóc cho nhau. Tòa án đã tổ chức hòa giải động viên anh chị đoàn tụ lại với nhau nhưng anh T không đến nên không hòa giải được, chị Ch cương quyết ly hôn. Cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được chung sống cũng không hạnh phúc nên hội đồng xử án chấp nhận cho chị Ch được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Từ khi ly thân nhau đến nay chị Ch là người trực tiếp nuôi con cũng đảm bảo sự phát triển bình thường của bé, cháu Nguyên cũng có nguyện vọng sống với mẹ nên chấp nhận yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con của chị Ch cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyên.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ch không yêu cầu nên không xem xét

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Quan điểm của Vị đại diện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ch cho chị được ly hôn với anh Thạch T.

Về con chung: Giao con chung ThạchThị Bé Nguyên cho chị Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T được quyền tới lui, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ch không yêu cầu nên không xem xét

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét

Về nợ chung**:** Không có nên không xem xét.

Về án phí: Chị Ch nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000674 ngày 05/2/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; Chị Ch không phải nộp nữa.

- Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn - bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thu Hằng